

Thứ hai, ngày 20 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Áp lực điều chỉnh tăng cao, VNIndex trở về quanh 860 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/07/2020		•	
Tuần 20/7-24/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong ngày giao dịch đầu tuần, VNIndex giảm dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều, qua đó quay trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ 860 điểm. Dòng tiền đầu tư giảm mạnh khi có đến 18/19 nhóm ngành mất điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với phiên cuối tuần trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý chốt lời an toàn khi mà chỉ số chưa thể bứt phá qua mức cản 880 điểm. Phiên giảm điểm này có thể sẽ phần nào ảnh hưởng tiêu cực đến trạng thái mua bán của các nhà giao dịch trong phiên tiếp theo, trước khi lực cầu ở những vùng thấp điểm tiếp tục xuất hiện trở lại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 810 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/7/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme **Bất động sản Khu công nghiệp_1.0%**

Phân tích kỹ thuật: HT1_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-10.62** điểm, đóng cửa **861.4**. HNX-Index **-1.09** điểm, đóng cửa **115.72**.
- Kéo chỉ số tăng: GTN (+0.08); ITA (+0.06); KBC (+0.05); SCS (+0.04); SZC (+0.03).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-1.26); VHM (-1.22); BID (-0.91); VCB (-0.64); VNM (-0.55).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,831 tỷ đồng, +2.3% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.24 điểm. Thị trường có 112 mã tăng, 35 mã tham chiếu và 282 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-238.97** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-79.9 tỷ), VHM (-26.9 tỷ) và DXG (-17.2 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.92** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **861.40**

Giá trị: 3831.79 tỷ

-10.62 (-1.22%)

Khối ngoại (ròng): -238.97 tỷ

HNX-INDEX **115.72**

Giá trị: 623.32 tỷ

-1.09 (-0.93%)

Khối ngoại (ròng): -0.92 tỷ

UPCOM-INDEX **57.29**

Giá trị: 0.27 tỷ

-0.28 (-0.49%)

Khối ngoại(ròng): 1.43 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.4	-0.47%
Giá vàng	1,812	0.08%
Tỷ giá USD/VND	23,190	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,524	0.50%
Tỷ giá JPY/VND	21,634	-0.10%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	45.58%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SAB	6.8	HPG	79.9
VCI	2.9	VHM	26.9
KDC	2.5	DXG	17.2
BFC	2.3	STB	14.3
LIX	2.3	VRE	10.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Tín hiệu hàng hóa	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_1.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	14/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	1.0%	1.0%	10.3%	10.3%	10.3%	11.1%	26.3%
Chiến tranh thương mại	0.4%	0.4%	5.2%	5.2%	5.2%	-7.5%	18.7%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.1%	-0.1%	3.9%	3.9%	3.9%	-5.9%	17.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	-0.2%	3.5%	3.5%	3.5%	8.1%	15.8%
Ngành Dược	-0.3%	-0.3%	6.4%	6.4%	6.4%	-2.6%	18.4%
Nước & Năng lượng	-0.7%	-0.7%	7.9%	7.9%	7.9%	-3.5%	16.8%
Stay-at-home	-0.7%	-0.7%	6.3%	6.3%	6.3%	11.2%	17.9%
Đầu tư công	-0.8%	-0.8%	7.9%	7.9%	7.9%	1.8%	20.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.8%	-0.8%	5.2%	5.2%	5.2%	3.1%	20.7%
Ngân Hàng	-1.0%	-1.0%	7.3%	7.3%	7.3%	-2.0%	23.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.0%	-1.0%	5.9%	5.9%	5.9%	-0.3%	22.3%
VN FinSelect	-1.1%	-1.1%	5.8%	5.8%	5.8%	-5.1%	19.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.1%	-1.1%	5.2%	5.2%	5.2%	-13.6%	16.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.1%	-1.1%	6.3%	6.3%	6.3%	-5.5%	21.2%
VN Diamond	-1.3%	-1.3%	5.1%	5.1%	5.1%	-12.5%	19.8%
FTSE Việt Nam	-1.3%	-1.3%	3.0%	3.0%	3.0%	-8.1%	17.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.4%	-1.4%	4.6%	4.6%	4.6%	-11.9%	21.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.4%	-1.4%	3.7%	3.7%	3.7%	-9.1%	18.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.4%	-1.4%	4.0%	4.0%	4.0%	-9.1%	16.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.4%	-1.4%	5.0%	5.0%	5.0%	-10.3%	19.6%
Dầu khí	-1.7%	-1.7%	2.9%	2.9%	2.9%	-21.4%	25.3%
Lãi suất giảm	-1.7%	-1.7%	7.6%	7.6%	7.6%	4.3%	19.8%
Corona Avengers	-1.8%	-1.8%	5.6%	5.6%	5.6%	0.7%	22.0%
Xây dựng	-1.9%	-1.9%	10.2%	10.2%	10.2%	2.0%	19.7%
Hàng tiêu dùng	-2.1%	-2.1%	4.0%	4.0%	4.0%	0.1%	20.2%

Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	-0.8%	-0.8%	4.1%	4.1%	4.1%	-6.5%	17.7%
S21	-0.8%	-0.8%	3.6%	3.6%	3.6%	-8.9%	20.1%
M12	-1.0%	-1.0%	3.1%	3.1%	3.1%	-7.0%	20.0%
M31	-1.0%	-1.0%	5.6%	5.6%	5.6%	-6.2%	21.5%
M22	-1.1%	-1.1%	3.8%	3.8%	3.8%	-1.9%	18.8%
L22	-1.1%	-1.1%	3.2%	3.2%	3.2%	-7.2%	20.2%
S11	-1.1%	-1.1%	3.3%	3.3%	3.3%	1.3%	18.6%
L32	-1.4%	-1.4%	8.0%	8.0%	8.0%	-4.6%	21.3%
S32	-1.9%	-1.9%	4.9%	4.9%	4.9%	-14.4%	

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	-0.7%	-0.7%	3.3%	3.3%	3.3%	-5.0%	17.2%
HIGH3	-1.1%	-1.1%	4.7%	4.7%	4.7%	-0.3%	19.5%
MID1	-1.4%	-1.4%	4.6%	4.6%	4.6%	5.0%	17.6%

INDEX							
VNINDEX	-1.2%	-1.2%	4.4%	4.4%	4.4%	-10.4%	17.0%
VN30INDEX	-1.3%	-1.3%	4.3%	4.3%	4.3%	-8.6%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	14	11	14	11	18	7
Mục tiêu	9	7	2	7	2	3	6
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

HT1_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HT1 đang tạo tín hiệu tích cực sau khi tích lũy ngắn hạn tại vùng giá 13.5-14.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, báo hiệu xu hướng tăng giá. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tích cực này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư trung và dài hạn có thể mở vị thế tại vùng giá 14.0-14.5, chốt lãi tại vùng giá 16.0-17.0 và cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 13.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Thông tin chi tiết mời truy cập [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực [Link](#)

PC1_ Tăng giá [Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng [Link](#)

VNM_ Hưởng phần [Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích cực [Link](#)

Thống kê hiệu suất phân tích kỹ thuật

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
17/7/2020	BFC	12.5	14	11.5	12.3	3	-1.60%
16/7/2020	MPC	27.8	33	26	27.6	4	-0.72%
15/7/2020	FRT	25.4	29	21.5	24.45	5	-3.74%
14/7/2020	DPM	14.9	16	14	14.4	6	-3.36%
13/7/2020	GVR	11.9	14	11	12.1	7	1.68%
10/7/2020	KBC	14.45	17	13	14.75	10	2.08%
9/7/2020	KDC	30.5	39	29	31.2	11	2.30%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	20.5	13	-0.49%
6/7/2020	FPT	46.8	57.2	45	47.4	14	1.28%
3/7/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	15.7	17	5.09%
1/7/2020	HAX	12.8	15	11	13.2	19	3.12%
29/6/2020	PLP	11.35	13.5	9.5	11.6	21	2.20%
26/6/2020	DGC	39.6	42	33	40.4	24	2.02%
24/6/2020	TRC	31	39	27.5	30	26	-3.23%
23/6/2020	FCN	10.8	14	9.5	10.65	27	-1.39%
19/6/2020	VIC	97.3	100	88	90.2	31	-7.30%
18/6/2020	HPG	26.8	32	24	28	32	4.48%
16/6/2020	VHM	74.9	90	70	79.2	34	5.74%
12/6/2020	STB	11.8	13	10.5	11.45	38	-2.97%
5/6/2020	VHC	37.2	42	30.5	38.1	45	2.42%

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/7/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
2/7/2020	DHC	37.9	40	35	TP	7	5.54%
30/6/2020	TLG	35.9	40	31.5	TP	20	11.42%
25/6/2020	VRG	14.7	16.8	12.5	TP	7	14.29%
22/6/2020	PDR	24.8	29	23	SL	9	-7.26%
17/6/2020	MSH	35.95	40	32.3	SL	12	-10.15%
15/6/2020	NVL	55.2	60	53	TP	4	8.70%
11/6/2020	DAH	14	16.5	11	TP	19	17.86%
10/6/2020	GEG	21	25	20	SL	2	-4.76%
9/6/2020	CVT	19.2	24	18	SL	3	-6.25%

Chú thích: Danh sách thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	11	9	2.95%	-2.75%	0.38%	19
Cổ phiếu đã chốt	6	5	13.45%	-8.29%	3.57%	10

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 20/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.18	-1.01%	0.20%	5.20%	-26.02%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.71	-1.00%	0.00%	3.00%	-29.73%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	121.13	-1.08%	-4.90%	-0.90%	-29.46%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1809.77	-0.04%	0.40%	5.00%	25.23%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	19.38	0.29%	1.60%	11.50%	18.66%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	898.00	0.34%	2.60%	2.50%	-5.99%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	534.00	-0.14%	1.80%	8.10%	-0.74%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.26	0.12%	0.20%	24.90%	41.05%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	144.92	-0.76%	-0.90%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.68	-0.43%	0.90%	-4.70%	-10.84%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	101.35	-0.93%	2.70%	3.30%	-16.27%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6448.00	0.18%	0.60%	11.80%	6.31%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	532.05	0.25%	-0.30%	5.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1661.50	-0.54%	-1.60%	3.40%	-10.09%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	117.10	-0.09%	0.10%	6.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	57.80	-0.09%	0.40%	3.70%	-28.60%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

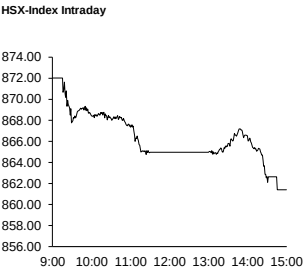
Giá dầu

- Giá dầu Brent giảm 36 US cent, tương đương 0.8%, xuống 42.78 USD/thùng, dầu Tây Texas Mỹ (WTI) giảm 34 US cent, tương đương 0.8% xuống 40.25 USD/thùng, chủ yếu bởi lo ngại về cầu dầu giảm sút khi độ lây lan dịch bệnh Covid-19 tăng nhanh.
- Nhập khẩu dầu của Nhật Bản giảm 14.7% YoY trong tháng 6, sau khi giảm 25% YoY trong tháng 5. Tại Mỹ, các công ty năng lượng giảm lượng khoan hoạt động trong tuần thứ mười một liên tiếp.

Giá vàng

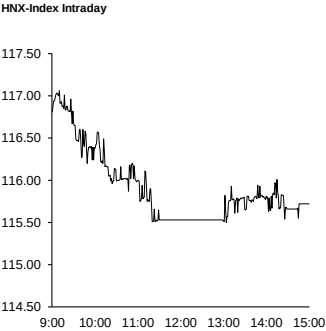
- Giá vàng giao ngay duy trì tại mức 1,808.92 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 duy trì tại mức 1,809.50 USD/ounce. Covid-19 lây lan nhanh chóng tại nền kinh tế số một thế giới, làm tăng tính hấp dẫn của các tài sản trú ẩn. Tuy vậy, giá trị USD tăng mạnh làm giảm đà tăng của vàng.
- Xuất khẩu của Nhật giảm 26.2% YoY trong tháng 6.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

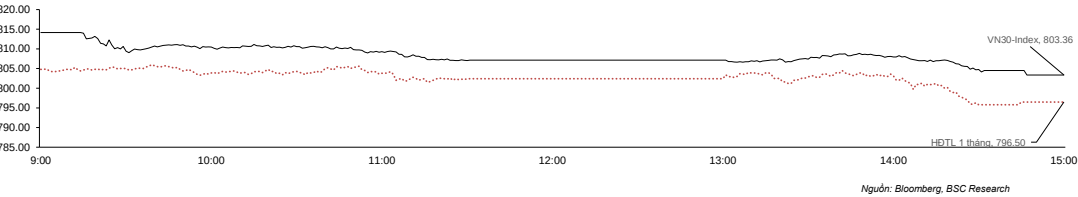
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	-2.22%
Bảo hiểm	-1.74%
Tài nguyên Cơ bản	-1.68%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.62%
Bất động sản	-1.39%
Dịch vụ tài chính	-1.37%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.16%
Ngân hàng	-1.11%
Ô tô và phụ tùng	-1.06%
Bán lẻ	-1.03%
Công nghệ Thông tin	-1.00%
Thực phẩm và đồ uống	-0.99%
Du lịch và Giải trí	-0.86%
Xây dựng và Vật liệu	-0.69%
Y tế	-0.61%
Truyền thông	-0.48%
Hóa chất	-0.27%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.23%
Viễn thông	0.00%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2008	796.50	-1.41%	-6.86	-15.8%	137,102	8/20/2020	33
VN30F2009	793.00	-1.20%	-10.36	-37.5%	333	9/17/2020	61
VN30F2012	790.40	-1.09%	-12.96	-57.8%	57	12/17/2020	152
VN30F2103	784.50	-1.99%	-18.86	-73.5%	40	3/18/2021	243

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -10.80 điểm, xuống mức 803.36 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VIC, VNM, VPB, MSN tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên xuống dưới 810 điểm, mở rộng biên độ giảm cuối phiên sáng. Sang phiên chiều, VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giảm co, trước khi giảm mạnh cuối phiên xuống dưới 805 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy trong vùng 795-815 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 810 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	2	1:1	242,920	48.1%	1.5 triệu	45.22%	2,200	710	12.70%	775	0.92
CVHM2001	KIS	12/16/2020	149	5:1	161,090	-7.4%	2.0 triệu	37.47%	3,100	1,550	-1.27%	625	2.48
CTCB2004	MBS	8/18/2020	29	2:1	230,740	237.1%	2.0 triệu	37.14%	1,050	1,880	-2.59%	1,795	1.05
CHDB2006	MBS	10/8/2020	80	2:1	80,850	341.8%	2.0 triệu	39.97%	2,180	2,050	-4.65%	1,639	1.25
CSTB2004	SSI	11/30/2020	133	1:1	151,220	45.0%	5.0 triệu	41.73%	1,400	1,700	-5.03%	1,464	1.16
CVNM2004	SSI	11/30/2020	133	1:1	11,400	-5.5%	2.0 triệu	31.48%	17,500	14,070	-5.06%	8,631	1.63
CMWG2009	MBS	10/23/2020	95	8:1	216,650	-16.9%	4.0 triệu	39.67%	1,600	1,300	-5.11%	980	1.33
CHPG2005	VND	10/1/2020	73	1:1	24,710	10.0%	2.0 triệu	36.62%	2,100	9,010	-5.26%	9,189	0.98
CNVL2001	KIS	12/16/2020	149	4:1	247,040	1572.6%	2.0 triệu	17.81%	2,300	1,850	-5.61%	419	4.42
CDPM2002	KIS	12/16/2020	149	1:1	212,520	55.8%	2.0 triệu	40.41%	1,700	2,330	-6.05%	1,245	1.87
CFPT2003	SSI	11/9/2020	112	1:1	39,290	153.0%	2.0 triệu	32.12%	7,300	9,290	-6.16%	2,569	3.62
CVHM2003	HSC	10/29/2020	101	10:1	170,350	9.1%	5.0 triệu	37.47%	1,000	1,440	-7.69%	1,222	1.18
CHPG2009	HSC	10/29/2020	101	2:1	370,580	645.9%	5.0 triệu	36.62%	1,600	3,250	-7.93%	3,030	1.07
CVHM2002	SSI	11/30/2020	133	1:1	87,950	63.2%	1.5 triệu	37.47%	11,500	10,970	-7.97%	8,873	1.24
CMSN2004	MBS	9/4/2020	46	5:1	225,210	119.9%	1.5 triệu	34.67%	1,980	950	-8.65%	572	1.66
CHPG2008	SSI	11/30/2020	133	1:1	145,500	128.2%	5.0 triệu	36.62%	4,100	3,450	-8.73%	2,691	1.28
CHPG2002	KIS	12/16/2020	149	2:1	172,420	-2.5%	3.0 triệu	36.62%	1,700	1,720	-9.47%	1,011	1.70
CVRE2006	HSC	10/29/2020	101	4:1	158,620	37.6%	5.0 triệu	44.40%	1,100	1,210	-10.37%	1,109	1.09
CFPT2004	SSI	8/10/2020	21	1:1	30,550	62.2%	2.0 triệu	32.12%	5,100	6,290	-12.40%	574	10.95
CMBB2002	SSI	8/10/2020	21	1:1	488,180	211.8%	3.0 triệu	34.43%	1,300	400	-27.27%	279	1.43
Tổng:					3,224,870		56.00 triệu	36.50%**					
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
**Trung bình độ lệch chuẩn													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 20/7/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CFPT2004 và CVRE2006 giảm mạnh lần lượt là -12.40% và -10.37%. Giá trị giao dịch tăng 19.98%. CHPG2009 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.78% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, TCB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
ROS	2.90	-2.36	-0.03
NVL	61.80	-0.16	-0.04
REE	32.40	-0.77	-0.05
SBT	14.95	-1.32	-0.07
POW	9.86	-1.40	-0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	28.0	-1.93	-1.19
VIC	90.2	-1.42	-0.82
VNM	115.7	-0.94	-0.81
VPB	22.7	-1.52	-0.78
MSN	55.0	-2.14	-0.74

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2003	24,200	22,000	22,700
CVHM2001	110,067	94,567	79,200
CTCB2004	19,100	17,000	20,500
CHDB2006	29,060	24,700	26,750
CSTB2004	12,400	11,000	11,450
CVNM2004	133,973	116,473	115,700
CMWG2009	94,800	82,000	83,300
CHPG2005	21,100	19,000	28,000
CNVL2001	75,088	65,888	61,800
CDPM2002	16,952	15,252	14,400
CFPT2003	57,300	50,000	47,400
CVHM2003	80,000	70,000	79,200
CHPG2009	25,700	22,500	28,000
CVHM2002	88,500	77,000	79,200
CMSN2004	64,900	55,000	55,000
CHPG2008	32,100	28,000	28,000
CHPG2002	33,399	29,999	28,000
CVRE2006	27,400	23,000	26,200
CFPT2004	55,100	50,000	47,400
CMBB2002	19,300	18,000	17,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.3	-0.8%	1.2	1,640	0.9	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.4	-1.7%	1.3	581	0.9	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.1	-2.6%	1.3	1,520	1.0	1,307	36.1	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.0	0.7%	0.4	292	0.0	2,056	14.6	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	90.2	-1.4%	0.8	13,265	0.9	2,095	43.1	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.2	-2.4%	1.1	2,588	1.5	1,226	21.4	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	61.8	-0.2%	0.8	2,605	1.9	3,584	17.2	2.6	6.2%	16.3%
REE	Bất động sản	32.4	-0.8%	0.8	437	0.5	4,976	6.5	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	10.7	-4.0%	1.3	241	2.5	2,289	4.7	0.8	40.7%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.5	-7.5%	1.3	404	4.4	1,415	10.9	0.9	49.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.4	0.9%	1.0	167	0.6	4,240	5.5	0.9	27.5%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.8	-2.6%	1.7	249	1.5	1,480	12.7	1.3	52.0%	12.0%
FPT	Công nghệ	47.4	-1.5%	0.8	1,616	4.2	4,804	9.9	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.4	-1.2%	0.4	523	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	70.9	-1.4%	1.5	5,900	1.5	5,820	12.2	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.4	-2.3%	1.5	2,433	1.2	869	53.4	2.9	14.6%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.3	-1.6%	1.5	256	1.0	1,238	9.9	0.5	11.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.9	-2.8%	0.8	930	0.5	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.9	-1.2%	0.5	522	0.0	5,046	18.2	3.4	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.4	-1.4%	0.4	245	1.0	1,006	14.3	0.7	10.9%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.8	-2.5%	0.4	201	0.7	415	21.1	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.2	-0.7%	1.1	13,255	2.5	4,848	17.0	3.6	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.8	-1.9%	1.4	7,135	1.5	2,140	19.1	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.8	-1.2%	1.2	3,853	3.0	2,510	9.5	1.1	30.0%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.7	-1.5%	1.2	2,406	2.9	3,750	6.1	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.2	-1.7%	1.0	1,803	2.3	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.5	-1.2%	0.9	1,771	2.8	3,780	6.5	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	52.7	-1.5%	0.9	188	0.1	5,303	9.9	1.7	81.6%	17.0%
NTP	Nhựa	31.4	2.3%	0.4	161	0.0	4,208	7.5	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.3	0.0%	0.4	658	0.0	356	43.0	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.0	-1.9%	1.1	3,361	14.3	2,764	10.1	1.5	36.0%	17.4%
HSG	Thép	11.2	-3.0%	1.4	216	5.3	1,493	7.5	0.8	11.3%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	115.7	-0.9%	0.7	8,760	2.4	5,453	21.2	6.7	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	191.0	-0.5%	0.8	5,325	1.1	6,719	28.4	7.1	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	55.0	-2.1%	1.0	2,795	2.3	3,961	13.9	1.5	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	-1.3%	0.8	381	3.2	171	87.6	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	58.3	-0.3%	0.8	5,518	0.4	3,450	16.9	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	107.5	-1.4%	1.1	2,448	1.0	7,110	15.1	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.0	-0.8%	1.7	1,603	0.3	1,654	15.7	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	-0.3%	0.9	252	0.2	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.4	-1.4%	1.1	127	0.3	2,117	4.9	0.7	22.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.7	-1.1%	1.0	423	0.2	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.1	0.3%	0.7	391	0.4	1,453	13.8	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.0	1.1%	1.0	232	0.3	1,938	7.2	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	81.0	-4.3%	1.0	269	3.2	8,032	10.1	0.7	45.9%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.0	-1.1%	0.3	499	0.2	1,498	17.4	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	17.5	-2.8%	0.3	182	1.3	1,775	9.9	0.8	37.5%	8.5%
POW	Điện	9.9	-1.4%	0.6	1,004	1.0	1,028	9.6	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	23.6	0.4%	0.5	295	0.4	2,685	8.8	1.5	18.2%	18.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GTN	23.90	4.60	0.08	3.05MLN
ITA	4.90	4.48	0.06	13.86MLN
KBC	14.75	2.43	0.05	3.98MLN
SCS	118.10	2.52	0.04	13050.00
SZC	22.40	5.16	0.03	3.36MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.25	222400.00	1.11MLN
VHM	0.00	-1.24	1.36MLN	607060.00
BID	0.00	-0.92	832370.00	373600.00
VCB	0.00	-0.63	696830.00	192700.00
VNM	0.00	-0.55	474700.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L10	14.55	6.99	0.00	1300.00
APG	11.50	6.98	0.01	1.05MLN
TLD	8.66	6.91	0.00	798350.00
DAT	29.45	6.90	0.03	170.00
HRC	42.70	6.88	0.02	3830.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNS	12.30	-9.56	-0.03	42170.00
SSI	15.45	-7.49	-0.22	6.44MLN
TCO	9.17	-7.00	0.00	130.00
LDG	6.13	-6.98	-0.03	8.09MLN
PIT	4.00	-6.98	0.00	160.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
S99	17.60	6.02	0.05	797900.00
NTP	31.40	2.28	0.03	13600.00
IDV	41.20	8.14	0.03	54200.00
SLS	53.50	4.90	0.02	11500.00
NDN	19.90	1.53	0.01	296100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.50	-1.21	-0.48	2.62MLN
SHB	12.90	-0.77	-0.15	2.22MLN
SHS	13.40	-2.90	-0.06	3.08MLN
PVS	12.30	-1.60	-0.05	1.84MLN
VCS	62.70	-1.10	-0.02	76700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

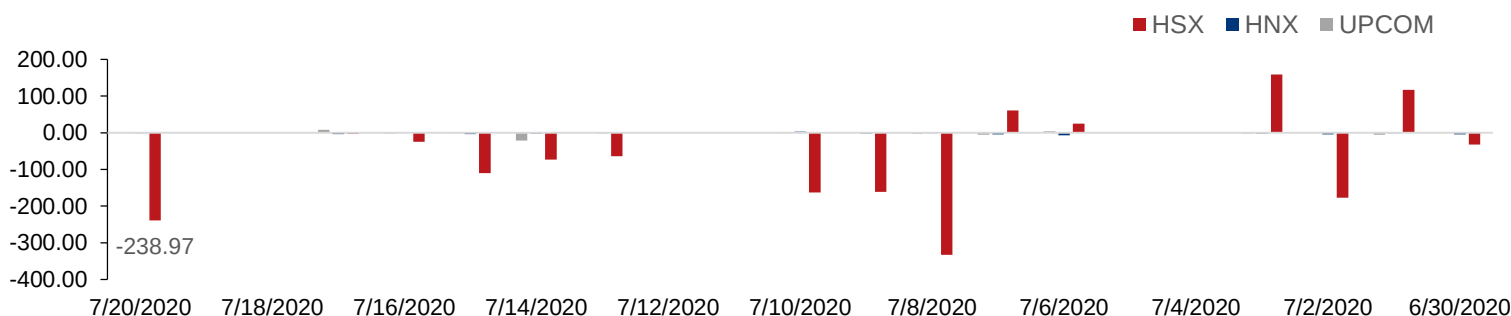
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	84400.00
CTT	10.00	9.9	0.00	100.00
SCI	25.90	9.8	0.01	186000.00
ALT	12.40	9.7	0.00	5600.00
VBC	18.10	9.7	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.80	-11.11	0.00	122100.00
CET	1.80	-10.00	0.00	87100.00
S74	3.60		0.00	100.00
PTD	11.90	-9.85	0.00	100.00
TKU	11.20	-9.68	0.00	1100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
13	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.2	3,509	7.2	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	22.7	3,750	6.1	1.2	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	50.0	6,759	7.4	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	55.0	3,961	13.9	1.5	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.4	5,365	7.5	1.4	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.2	1,493	7.5	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	45.0	5,479	8.2	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	22.4	1,140	19.6	1.9	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.0	2,764	10.1	1.5	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.5	2,987	6.9	1.1	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.4	5,248	11.3	2.7	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.0	5,718	24.0	8.4	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	10.7	2,289	4.7	0.8	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.7	1,496	10.5	0.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.5	7,637	2.7	0.9	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.9	5,311	4.1	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	41.0	4,465	9.2	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.2	4,848	17.0	3.6	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.5	3,780	6.5	1.4	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	38.1	6,553	5.8	1.4	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 13450 ; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn